TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH S**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **102**/2019/QĐST-VHNGĐ	*TP. S, ngày 27 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 91/2019/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Đỗ Quốc Đ**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 87 đường P, Khóm B, Phường T, thành phố S, tỉnh S.

- Bà **Khưu Thị H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 87 đường P, Khóm B, Phường T, thành phố S, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H vào ngày 15-6-2015, ông Đ và bà H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 8, thành phố S, tỉnh S. Hôn nhân của ông Đ, bà H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn ông Đ, bà H chung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng tháng 6-2018 thì ông Đ, bà H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến ông, bà thường xuyên cãi vã. Hiện nay ông Đ, bà H đã sống ly thân.

Nay ông Đ, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông Đỗ Hoàng Đ và bà Khưu Thị H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho cho đến nay. Hiện nay ông Đ, bà H không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Khưu Thị H và ông Đỗ Quốc Đ.

[2]. Về con chung: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H thuận tình ly hôn;

1.2 Về con chung: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0007692 và 0007693 cùng ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh S. Ông Đỗ Quốc Đ và bà Khưu Thị H đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND phường T, thành phố S, tỉnh S
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định